

Bản án số: 01/2022/DS-PT
Ngày: 04-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Thu Lan

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Hồng Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2021/QĐST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2021.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1970;

Địa chỉ: Phường P1, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn T1 – sinh năm 1969.

Địa chỉ: Phường P1, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H là bị đơn và ông Nguyễn T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Xuất phát từ chỗ quen biết với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T1, bà có cho bà H vay số tiền 402.000.000 đồng với các lần vay cụ thể như sau:

Ngày 26/12/2019, vay 30.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ, hiện khoản nợ này bà H chưa trả cho bà.

Ngày 14/01/2020, vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng hiện khoản nợ này bà H chưa trả cho bà.

Ngày 06/3/2020, vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày nhưng hiện khoản nợ này bà H chưa trả cho bà.

Ngày 27/3/2020, vay 22.000.000 đồng, thời hạn vay 02 ngày sẽ hoàn trả nhưng bà H vẫn không trả nợ cho bà.

Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 01%/tháng, lúc vay tiền chỉ có mình bà H ký vào giấy vay nhưng bà H nói tiền vay dùng để làm ăn kinh tế gia đình nên bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T1 phải có trách nhiệm trả khoản nợ gốc 402.000.000 đồng cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà H phải trả lãi suất 01%/tháng cho các khoản vay với số tiền lãi là 42.080.000 đồng. Tuy nhiên, tại đơn rút yêu cầu tính lãi suất ngày 21/5/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị T rút phần yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bà H và ông T1 phải trả lãi cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 26/12/2019, bà có vay của bà T 30.000.000 đồng, sau đó trả nợ gốc được 10.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng và trả lãi 1.000.000 đồng/tháng, bà trả lãi đến tháng 11/2020 thì không trả nữa. Hiện nay, bà còn nợ bà T khoản vay này 20.000.000 đồng. Ngày 14/01/2020, bà T có ép buộc bà viết giấy vay nợ tại nhà nghỉ S tại phòng số 01 (nhà nghỉ của bà T), khi viết giấy không có ai chứng kiến. Nguyên số tiền này vào năm 2014 bà T đứng ra bảo lãnh cho bà vay của bà Huỳnh Thị Kim L (vợ ông Đ ở Xã L, huyện M) nhưng số tiền này bà đã trả xong cho bà L vào năm 2014. Vì vậy, bà không có vay bà T khoản tiền 250.000.000 đồng.

Ngày 06/3/2020, bà có vay của bà T 100.000.000 đồng với lãi suất 1.000.000 đồng/ngày, bà trả cho bà T 70.000.000 đồng (không nhớ thời gian trả), sau đó bà tiếp tục trả cho bà T 10.000.000 đồng. Hiện nay bà còn nợ bà T khoản vay này 20.000.000 đồng. Ngày 27/3/2020, bà có vay của bà T 22.000.000 đồng, khoản vay này bà đã trả xong nhưng khi trả tiền bà không lấy lại giấy vay nợ. Bà H đã trả lãi cao so với quy định, Tòa án đã giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến lãi suất nhưng bà H không yêu cầu tính lại lãi suất (không có tranh chấp lãi suất). Nay nguyên đơn yêu cầu bà trả tổng số tiền gốc vay là 402.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1 trình bày:

Ông không có vay tiền của bà Nguyễn Thị T nên ông không đồng ý trả nợ cho bà T.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc là 402.000.000 đồng (bốn trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T1 cùng phải chịu 20.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.881.600 đồng tại biên lai số AA/2018/0004765 ngày 05/ 01/ 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

**Ngày 30 tháng 6 năm 2021, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo nội dung yêu cầu:* Sửa bản án số 13/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, xác định bà H còn nợ bà T 40.000.000 đồng và bà H sẽ trả cả gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị T sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**Ngày 19 tháng 7 năm 2021, ông Nguyễn T1 có đơn kháng cáo nội dung yêu cầu:* Sửa bản án số 13/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, theo hướng ông T1 không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, sung ngân sách Nhà nước số tiền ông T1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo nhưng tại phiên tòa ngày 20/12/2021 ông T1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay ông T1 tiếp tục vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy, ông T1 là người kháng cáo nhưng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì coi như ông T1 đã tự từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn T1.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H Hội đồng xét xử thấy, bà Nguyễn Thị H xác nhận các giấy mượn tiền bà Nguyễn Thị T nộp để chứng minh việc bà H đã vay tiền của bà T đều là chữ viết và chữ ký của bà H. Như vậy, đủ căn cứ xác định bà H đã vay tiền của bà T vào các ngày: Ngày 26/12/2019 vay 30.000.000 đồng (bút lục 37), ngày 14/01/2020 vay 250.000.000 đồng (bút lục 36), ngày 06/3/2020 vay 100.000.000 đồng (bút lục 39), ngày 27/3/2020 vay 22.000.000 đồng (bút lục 38); tổng cộng là 402.000.000 đồng.

[2.1] Tại Đơn xin yêu cầu đề ngày 16/02/2021 (bút lục 55, 56) bà H khai nại rằng bà phải trả tiền lãi cho bà T với lãi suất 30%/ tháng nhưng bà H không có tài liệu để chứng minh bà T đã nhận tiền lãi của bà H với lãi suất 30%/tháng trên số tiền vay; bà H còn khai nại số tiền vay 22.000.000 đồng và 25.000.000 đồng đã trả xong, nhưng không có tài liệu chứng minh số tiền này đã trả xong. Mặt khác, qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy bà T không cho bà H vay khoản tiền vay nào với số tiền là 25.000.000 đồng.

[2.2] Tại văn bản trình bày ngày 26/01/2021 (bút lục 53) bà H cho rằng ngày 14/01/2020 tại nhà nghỉ S, bà H bị bà T buộc viết giấy nợ 250.000.000 đồng, sau đó bà H đã làm đơn gửi Công an thị xã Đ nhưng không hiểu vì sao Công an thị xã Đ trả lại đơn không giải quyết. Hội đồng xét xử thấy, bà H không có tài liệu chứng minh Công an thị xã Đ nhận đơn và trả lại đơn tố cáo việc bà H bị bà T ép buộc viết giấy nhận nợ số tiền 250.000.000 đồng. Mặt khác, nếu bà H bị bà T ép viết giấy nhận nợ 250.000.000 đồng ngày 14/01/2020 và bà H làm đơn tố cáo bà T, thì sau đó ngày 6/3/2020 và ngày 27/3/2020 bà H sẽ không vay tiền của bà T, còn bà T sẽ không cho bà H mượn tiếp số tiền 122.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cho rằng bà bị bà T ép buộc viết giấy nhận nợ 250.000.000 đồng vào ngày 26/12/2019. Hội đồng xét xử thấy, lời khai bà H mâu thuẫn vì theo giấy mượn số tiền 250.000.000 đồng do bà H viết (bút lục 36) thì bà H mượn 250.000.000 đồng của bà T vào ngày 14/01/2020.

[2.3] Bà H cho rằng số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 6/3/2020 bà H đã trả cho bà T 80.000.000 đồng (70.000.000 đồng trả tại Công ty xe T4, 10.000.000 đồng trả tại nhà bà T – bút lục 42). Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu chứng minh bà đã trả tiền cho bà T.

[2.4] Bà H cho rằng phải trả tiền lãi cho bà T với lãi suất 30%/tháng nhưng lời khai này lại mâu thuẫn với chính lời khai của bà H tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2021; tại Biên bản này bà H khai khoản vay ngày 26/12/2019 lãi suất phải trả là 5%/tháng (bút lục 71). Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo số 110/TB-TA ngày 09/4/2021 (bút lục 67) về việc bà H có tranh chấp lãi suất đã trả cho bà T, thì làm đơn yêu cầu phản tố nhưng bà H không nộp đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là chính xác.

[2.5] Bà H khai nài tất cả các giấy mượn tiền đều có thời hạn trả nợ nhưng bà H chưa trả tại sao bà T tiếp tục cho bà H vay tiền (bút lục 125). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vay mượn tiền là sự thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay theo nguyên tắc người vay tiền viết giấy vay, khi trả tiền thì giấy vay được trả lại, hay gạch bỏ, xé bỏ...., bà H không chứng minh được việc đã trả tiền xong cho bà T, còn bà T có tài liệu chứng minh bà H chưa trả tiền là các giấy mượn tiền nên không có cơ sở để chấp nhận khai nài này của bà H.

[2.6] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, bà H không chứng minh được đã trả số tiền vay 402.000.000 đồng cho bà T nên không chấp nhận kháng cáo của bà H.

[3] Ngày 21 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi 42.080.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bà T đã rút. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi rõ số tiền là không thực hiện đúng quy định tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ bổ sung số liệu vào phần quyết định của bản án.

[4] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo của bà H, nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007120 ngày 08/07/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

[6] Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền ông T1 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai số 0000775 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, khoản 3 Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn T1.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc là 402.000.000 đồng (*Bốn trăm lẻ hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T1 phải trả tiền lãi với số tiền 42.080.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn T1 cùng phải chịu 20.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.881.600 đồng tại biên lai số AA /2018/0004765 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA 2018/0007120 ngày 08/07/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền ông Nguyễn T1 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai số 0000775 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương